|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Nghệ An, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**KHÓA XVIII**- **KỲ HỌP …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày … tháng …năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí, ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá); biên giới (gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng); vùng dân di cư tự do đến có đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng.

d) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn tỉnh Nghệ An không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

đ) Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

e) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện và điều kiện hỗ trợ**

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Bố trí, ổn định dân cư phải phù hợp các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư để phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

b) Bố trí, ổn định dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục tập quán, sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài; hướng tới hình thành các điểm dân cư đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

c) Bố trí, ổn định dân cư là trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền địa phương. Hộ gia đình, cá nhân bố trí ổn định theo quy hoạch, kế hoạch được Nhà nước hỗ trợ về di chuyển (nếu có) và các điều kiện để ổn định đời sống, phát triển bền vững cộng đồng dân cư. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc Chương trình theo quy định và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện Chương trình.

d) Việc bố trí, ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Ưu tiên thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung và ổn định tại chỗ. Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân đi ra ngoại tỉnh, cần thống nhất tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch.

e) Đối với nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân: Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 lần; trong cùng thời điểm mà có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì hộ gia đình, cá nhân hưởng lợi chỉ được chọn 1 chính sách hỗ trợ.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình chỉ được hỗ trợ khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở riêng và đang sinh sống thường xuyên tại vị trí cần di dời theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không có nhà ở ổn định khác ngoài khu vực cần di dời.

b) Đã làm nhà ở tại nơi ở mới đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, diện tích nhà ở mới tối thiểu 30m2; đảm bảo mỹ quan, phù hợp với phong tục tập quán của địa phương.

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ**

1. Chính sách hỗ trợ về đất đai

Miễn tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng ở điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được phê duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có); san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất (đối với khai hoang tập trung); đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến đường giao thông gần nhất); thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

3. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình để di chuyển người và tài sản, khai hoang, làm nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt, như sau:

a) Hình thức bố trí tập trung.

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

- Hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hình thức bố trí xen ghép.

- Hỗ trợ 100 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

- Hỗ trợ 80 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

4. Hỗ trợ địa bàn bố trí dân cư xen ghép để thực hiện một số hạng mục công trình thiết yếu như: Nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng, công trình hạ tầng thiết yếu khác. Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với địa bàn bố trí dân cư xen ghép có tối thiểu 10 hộ gia đình, cá nhân trở lên.

5. Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác; phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hình thành các sản phẩm OCOP đa giá trị gắn với lợi thế vùng miền, quốc gia; thúc đẩy phát triển các mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng các mô hình, dự án phát triển sản xuất, vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chế biến, bảo quản, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ tối đa: 01 tỷ đồng/ dự án.

6. Tuyên truyền, nâng cao năng lực quản lý (đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, thực hiện bố trí dân cư: Thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Kinh phí quản lý:Để thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, vận động; khảo sát, kiểm tra, nghiệm thu: Mức hỗ trợ tối đa 3% tổng số kinh phí sự nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm.

**Điều 4. Nguồn vốn thực hiện:** Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung tại khoản 3,4,6,7 Điều 3 Nghị quyết này.

- Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, lồng ghép, các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ nội dung tại khoản 2, 5 Điều 3 Nghị quyết này và các nội dung khác.

**Điều 5. Bố trí, ổn định dân cư theo địa bàn**

1. Bố trí, ổn định dân cư trong huyện

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi

- Tổ chức tuyên truyền, vận động: Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động để từng người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án;

- Phối hợp với Ban chỉ đạo huyện tổ chức họp các hộ dân trong thôn, bản thuộc vùng dự án, phương án để phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ. Đồng thời, hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia vào các dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư; Lập danh sách các hộ dân có đơn tham gia dự án, phương án;

- Thành lập Hội đồng bình xét hộ tham gia dự án, phương án gồm: đại diện Ủy ban nhân dân xã, trưởng thôn (bản), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện Ban chỉ đạo huyện để tiến hành bình xét và lập danh sách các hộ đáp ứng tiêu chí của dự án, phương án; Công khai danh sách hộ được bố trí, ổn định dân cư (niêm yết danh sách tại nơi trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt cộng đồng) và giải quyết các kiến nghị. Sau 15 ngày kể từ khi công khai danh sách, hoàn thiện danh sách gửi về Uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Gửi 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

+ Biên bản bình xét hộ dân tham gia dự án, phương án (Mẫu quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

+ Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

+ Tờ trình của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Căn cứ Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến

Phối hợp với địa phương nơi dân đi, Ban chỉ đạo cấp huyện, đại diện các hộ bố trí, ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

- Tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân;

- Tổ chức triển khai thực hiện bố trí, ổn định các hộ dân đến khu tái định cư, xen ghép theo dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hướng dẫn các hộ tổ chức phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nhà ở theo quy hoạch; Khai hoang đất ở, đất sản xuất hoặc tổ chức chuyển nhượng đất đai để giao cho các hộ dân đến;

- Lập biên bản nghiệm thu các hộ được bố trí ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị Quyết này).

- Lập danh sách tổng hợp các hộ đủ điều kiện được hỗ trợ (Mẫu quy định tại phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị quyết này).

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Căn cứ kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao, thành lập ban chỉ đạo Chương trình bố trí, ổn định dân cư;

- Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ UBND cấp xã; UBND huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư); đồng thời gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban, ngành có liên quan;

- Chỉ đạo các phòng hoặc đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ được phê duyệt bố trí, ổn định dân cư theo quy định hiện hành (Mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đi và xã nơi đến tiến hành bàn giao số hộ bố trí, ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đến lập biên bản nghiệm thu các hộ được bố trí ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị Quyết này).

2. Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi

- Thực hiện theo quy định tại các gạch đầu dòng thứ nhất, hai, ba, bốn, điểm a, khoản 1, Điều này;

- Căn cứ vào Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến: Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi

- Căn cứ kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao, thành lập ban chỉ đạo Chương trình bố trí, ổn định dân cư;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ UBND cấp xã; UBND huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư); đồng thời có văn bản (kèm theo Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án;

- Phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi đến tổ chức kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án; bàn giao, đưa các hộ được bố trí ổn định đến vùng dự án, phương án; nghiệm thu các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến

- Căn cứ Kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao, thành lập ban chỉ đạo Bố trí, ổn định dân cư;

- Chỉ đạo các phòng, ban được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực bố trí dân cư của huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân vùng dự án, phương án và lập biên bản kiểm tra (Mẫu quy định tại phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị Quyết này);

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của UBND huyện nơi đi; UBND huyện tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án và gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan;

- Phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án (Mẫu quy định tại phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này);

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành (Mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này);

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đến lập biên bản nghiệm thu các hộ được bố trí ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này).

3. Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh

Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân ngoài tỉnh, cần thống nhất tỉnh có di dân đi và có dân đến để bố trí theo quy hoạch, kế hoạch.

**Điều 6. Hồ sơ, trình tự thủ tục thanh toán**

1. Hồ sơ thanh toán:

a. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này: Hồ sơ, thủ tục thanh toán vốn đầu tư được thực hiện theo Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành khác có liên quan.

b. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

- Hồ sơ theo yêu cầu tại gạch đầu dòng thứ tư điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này;

- Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án/phương án của UBND cấp huyện(có danh sách trích ngang kèm theo);

- Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án/phương án của UBND cấp huyện nơi đến (đối với trường hợp di dân ngoài huyện trong tỉnh);

- Biên bản nghiệm thu hộ được bố trí ổn định dân cư (Mẫu quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này);

- Danh sách tổng hợp các hộ đủ điều kiện được hỗ trợ (Mẫu quy định tại phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị quyết này);

- Tờ trình đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ của UBND cấp xã.

c. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này

- Biên bản họp cộng đồng dân cư lấy ý kiến thống nhất hạng mục cần hỗ trợ; Báo cáo kinh tế kỹ thuật các nội dung hỗ trợ; Tờ trình của UBND cấp xã về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các nội dung hỗ trợ;

- Quyết định thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các nội dung hỗ trợ của UBND cấp huyện; Quyết định phê duyệt Kế hoạch đấu thầu; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của UBND cấp xã; Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa UBND cấp xã với đơn vị thực hiện, các hóa đơn, chứng từ liên quan, Biên bản nghiệm thu hoàn thành.

d. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này: Hồ sơ thanh toán thực hiện theo quy định, phù hợp với từng nguồn vốn được phân bổ.

2.Trình tự, thủ tục

Căn cứ vào nhu cầu thực tế và các điều kiện, nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Nghị quyết này, UBND cấp xã lập kế hoạch các nội dung hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp trình cấp tỉnh trước 30 tháng 07 hàng năm để căn cứ xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn vốn sự nghiệp cho năm tiếp theo.

a. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này: Trình tự, thủ tục thực hiện theo Luật đầu tư công và các quy định hiện hành khác có liên quan.

b. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi hoàn tất hồ sơ theo yêu cầu tại điểm b, khoản 1 Điều này, UBND xã phải nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện. Trong vòng 10 ngày làm việc UBND cấp huyện giao cho các phòng có liên quan thanh toán chính sách cho đối tượng thụ hưởng (Mẫu quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này); trường hợp hồ sơ không đảm bảo quy định trong vòng 03 ngày làm việc phải thông báo để UBND cấp xã bổ sung, hoàn thiện.

c. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này

- UBND cấp xã hoàn tất hồ sơ theo yêu cầu tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm c khoản 1 Điều này nộp về Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện. Trong vòng 30 ngày làm việc UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các nội dung hỗ trợ;

- Khi được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật về các nội dung hỗ trợ, UBND cấp xã tổ chức thực hiện các nội dung còn lại theo yêu cầu tại điểm c, khoản 1 Điều này.

d. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này: Căn cứ vào kế hoạch phân bổ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn được phân bổ.

**Điều 7. Xử lý chuyển tiếp**

Đối với các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ năm 2021 đến nay nhưng chưa được hỗ trợ thì được hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1.Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII kỳ họp thứ ......thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để bc);  - Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để bc);  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;  - Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm soát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;  - Các Sở, Ban, Ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;  - Trung tâm Công báo tỉnh;  - Website: http// dbndnghean.vn  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |